

TÔNG CẢNH LỤC**QUYỂN 34**

Hỏi: Phàm cảnh thức đều xua bỏ, chúng sinh giới không, vậy chư Phật rốt ráo thành được pháp gì?

Đáp: Tất cả hàng đệ sinh nhân thức đối cảnh, ở trong sinh tử vọng sinh chấp trước, khởi thường, v.v... bốn thứ điên đảo. Hạng người nhị thừa ở trong Niết-bàn vọng cầu giải thoát, khởi vô thường v.v... bốn thứ điên đảo, chư Phật Như Lai nhân cảnh thức đều không. Năng lia tám thứ điên đảo, thành được chân thường lạc ngã tịnh, bốn Ba-la-mật. Trong luận Thật tánh nói: “Y tựa hai thứ pháp mà pháp thân Như Lai có tịnh Ba-la-mật: một là, xưa nay tự tánh thanh tịnh, vì đồng tướng vậy. Hai là, lia cấu thanh tịnh, vì thắng tướng vậy. Có hai thứ pháp mà pháp thân Như Lai có ngã Ba-la-mật: một là xa lia các biên ngoại đạo, vì lia hý luận ngã hư giả vậy. Hai là, xa lia các biến thanh văn, vì lia hí luận vô ngã.. Có hai thứ pháp mà pháp thân Như Lai có lạc Ba-la-mật: một là, xa lia tất cả khổ, hai là, xa lia tất cả phiền não tập khí. Có hai thứ pháp mà pháp thân Như Lai có thường Ba-la-mật: một là chẳng diệt tất cả các hành hữu vi, vì lia biên đoạn kiến vậy. Hai là chẳng thủ Niết-bàn vô vi, vì lia biên thường kiến vậy. Trong kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn thấy các hành vô thường là đoạn kiến, chẳng phải chánh kiến”. Vọng tưởng thấy nên thành thấy như vậy. Do đó Như Lai chỉ chứng kho tàng bốn đức Niết-bàn bí mật vậy.

Hỏi: Đã là kinh nói thấy các hành vô thường là đoạn kiến chẳng phải chánh kiến, thấy Niết-bàn thường là thường kiến chẳng phải chánh kiến. Vậy cố sao trong giáo nói hoặc nói vô ngã hoặc nói ở ngã, há chẳng trái nhau ư?

Đáp: Phàm, nói thường là vô thường. Ngã và vô ngã, chỉ nói hình vết đều là phương tiện. Do đó, trong Triệu Luận nói: “Bồ-tát ở trong chấp thường, diễn nói giáo chẳng phải thường, vì lúc Đức Phật mới ra đời bèn muốn nói diệu môn viên thường, Phật tánh của chân ngã, vì tất cả ngoại đạo đều chấp thần ngã, khắp mười phương giới, khởi

ở thường kiến. Nếu nói chân thường lạc ngã tịnh, sợ lạm với tà giải, chỉ một lúc phải xuống tình trần nên nói vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Lại hàng Nhị thừa và Quyền giả Bồ-tát không biết yếu chỉ của chư Phật, chấp môn phương tiện, vội vàng thủ chứng, đều trụ ở lý vô ngã, cho là rốt ráo. Đức Thế Tôn lại xót thương không thấu đạt đó, bèn mới nói đủ thường lạc ngã tịnh. Nếu có ở trung thuyết rốt ráo này thấy rõ chân ngã Phật tánh, người cây trùng bụi rành rẽ không mê hoặc, còn chẳng trụ ở trong đạo, đâu lại thấy có thường, vô thường, ngã, vô ngã, loạn nhiễu của nhị kiến ư? Hoặc nếu tuy lìa nghe tên của thường lạc ngã tịnh, chỉ thành giải hiểu của thường lạc ngã tịnh, tùy nói sinh thấy, mê mờ tự chân tâm thì thuốc của ngã vô ngã thành bệnh của ngã vô ngã. Nên biết chân ngã khó biện rành, chẳng phải chứng không rõ ràng. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Thí như hai người cùng làm bạn thân, một người là vương tử, một người là nghèo hèn. Hai người ấy qua lại với nhau. Bấy giờ người nghèo hèn thấy vương tử có một con dao đẹp đệ nhất, trong lòng khởi sinh tham đắm. Sau đó vương tử nắm con dao đó lánh đến nước khác, từ đó về sau người nghèo hèn lại đến nhà người khác ngủ nhờ qua đêm, trong lúc ngủ say mộng mớ nói “dao, dao”, người bên cạnh nghe vậy, bắt đưa đến nơi vua. Vua hỏi: “Người nói dao là từ nơi nào mà có được ư”. Người nghèo hèn đem sự việc trên thuật tâu lên vua đầy đủ, và nói: “Nay vua nếu có mổ xẻ thân tôi phân vạch tay chân, muốn tìm được dao, thì thật là không thể được, tôi cùng vương tử vốn là bạn thân, trước kia cùng ở một nơi, tuy từng chính mắt tôi thấy, nhưng chẳng dám đưa tay xúc chạm lấy, huống gì là đang cố giữ”. Vua lại hỏi: “Lúc khanh thấy dao, tướng mạo nó thế nào?”. Người ấy đáp: “Đại vương! Theo chỗ tôi thấy thì giống như sừng dê”. Vua nghe nói vậy rồi, vui mừng cười mà bảo: “Nay tùy ý muốn đi đâu thì đi, chớ sinh lo sợ, trong kho tàng của ta đều không có loại dao đó, huống gì ông chỉ mới thấy ở bên vương tử”. Khi ấy vua liền hỏi quần thần rằng: “Các người từng thấy con dao như vậy chăng?”. Nói xong vua bèn băng hà, sau đó lập người con khác lên nối tiếp vương vị. Vua mới lên ngôi đó lại hỏi Phụ tướng: “Các khanh từng ở trong kho tàng có thấy con dao ấy chăng?”. Các bề tôi đáp: “Chúng tôi đã từng thấy”. Vua lại hỏi: “Tướng trạng nó thế nào?”. Đáp: “Đại vương! Giống như sừng dê vậy”. Vua bảo: “Trong kho tàng của ta, nơi nào đang có con dao tướng trạng như vậy”. Mãi đến đời vua thứ tư, kiểm xét tìm kiếm không được, sau đó một thời gian, vị vương tử trước kia lánh đi từ nước khác trở về đến nơi quê cũ, lại được làm vua, sau khi đã lên vương vị, lại hỏi quần thần

rằng: “Các người có thấy dao chằng?”. Quần thần đáp: “Đại vương! Chúng tôi đều thấy”. Vua lại hỏi: “Tướng trạng dao đó thế nào?”. Đáp: “Đại vương! Sắc sao sáng sạch như hoa ưu- bát- la”. Lại có người nói: “Hình nó như sừng dê”. Lại có người nói: “Sắc dao hồng đỏ như đóm lửa”. Lại có người đáp: “Giống như rắn đen”. Khi ấy vua cười lớn, mà bảo: “Các khanh thấy đều hẳn không thấy tướng chân thật con dao của ta”. Nay Thiện nam! Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy xuất hiện nơi đời nói thật tướng ngã, nói rõ bỏ đi, dụ như vương tử gìn giữ dao sạch đẹp lánh đi đến nước khác. Người ngu phàm phu nói: “Tất cả có ngã có ngã” là như người nghèo hèn kia đến ngủ nhờ nơi nhà người khác mà mơ nói dao, dao. Các Thanh văn Duyên giác hỏi các chúng sinh: “Ngã có tướng gì?”. Đáp: “Tôi thấy ngã tướng như ngón tay cái lớn”, hoặc nói như hạt gạo, hoặc nói như hạt cỏ. Hoặc nói ngã tướng trụ trong tâm rục rờ như mặt nhật, chúng sinh không biết ngã tướng như vậy dụ như các bề tôi không biết tướng dao. Bồ-tát nói ngã pháp như vậy, phàm phu không biết phân biệt các thứ vọng làm ngã tướng, như hỏi tướng dao thì đáp tựa như sừng dê, các phàm phu như vậy, nên Đức Như Lai xuất hiện nói pháp vô ngã, dụ như vương tử nói cùng quần thần là trong kho tàng của ta không có dao như vậy. Nay Thiện nam! Ngày nay Đức Như Lai giảng nói chân ngã, gọi là Phật tánh, Phật tánh như vậy, trong Phật pháp ta dụ như dao sạch. Nay Thiện nam! Nếu có người phàm phu hay khéo giảng nói tức là tùy thuật Phật pháp vô thượng. Nếu có khéo hay tùy thuận phân biệt tuyên nói, phải biết hạng đó tức là tướng mạo Bồ-tát”.

Hỏi: Bình đẳng không môn là đại chỉ của Nhất tâm, đã thiện ác không ngăn mé, Thánh phàm đều tròn đầy. Cớ sao lại có thọ nhận đượm nhuần sai khác, khổ vui chẳng đồng đều?

Đáp: Muôn sự tự do người đời lấy, duy tâm một lý không khuyết, thiện ác chỉ tự niệm sinh, quả báo sao từ kẻ khác đượm, như Pháp sư Truyền Áo nói: “Chỉ vì bên trong có ác nghiệp thì bên ngoài cảm với tà ma, nếu bên trong khởi tâm thiện thì bên ngoài gặp ngay chư Phật”. Đó thì thiện ác tại mình, chớ do ở người khác thay? Vì vậy Tây Thi mền sông, Mô mẫu ghét gương, thật là si vậy. Vả lại, quân tử còn tìm cầu ở chính mình mà không oán trời trách người, huống gì Bồ-tát ư? Nếu năng tin sâu chắc đảm nói đây thì có thể rộng tâm tuyệt tướng chóng vào pháp không vậy. Nên trong luận Khởi Tín nói: “Hoặc có chúng sinh không sức thiện căn thì bị các ma ngoại đạo quỷ thần hoặc loạn, hoặc trong lúc đang ngồi, hiện hình khủng bố, hoặc hiện tướng nam nữ đoan

chánh v.v... phải niệm cảnh giới duy (chỉ), thì sẽ diệt mất trọn không bị não loạn”, vậy biết bất thánh giả chánh, tâm chánh tức là thánh, nên nói tâm chánh có thể dùng trừ tà, như nhật nguyệt đứng ngay giữa trời thì cây cỏ không hình bóng cong vẹo. Nên biết tâm đây là vườn nhà của phàm thánh, là nguồn gốc của căn cảnh, chỉ vì phàm phu chấp làm thức A-lại-da mà thành nhân của sinh tử khổ não bật, thánh thấu đạt là Như Lai tạng tâm nên hưởng thọ quả Niết-bàn thường lạc. Nếu nói thức A-lại-da thì có danh mà không thể, vì tình chấp cố chẳng phải rốt ráo vậy. Ngay lúc chứng thánh, danh ấy liền bỏ. Nếu nói Như Lai tạng tâm thì có danh có thể, vì vốn có chẳng phải chấp vậy, đến suốt tướng lai chẳng đoạn diệt vậy. Như lấy vàng làm vòng, tướng vòng hư rỗng thể vàng hiện bày như lai tạng làm thức lại da, tướng lại-da rỗng, tánh tạng hiện. theo Nay chúng sinh vì tùy tình chấp sâu nặng, phần nhiều nhận A-lại-da, chẳng tin có Như Lai tạng, không tin nên tự đã khinh mạn, lại hủy diệt người khác, tội lỗi phỉ báng pháp không gì hơn mất đó, niệm niệm mờ tối tánh pháp giới Như Lai, bước bước tạo nhân nghiệp quả chúng sinh, nghiệp ác ngày mỗi mới, duyên khổ nhiều vô tận. Ở nơi an ẩn mà sinh tâm suy não, hướng đến trong giải thoát mà thành kết quả trói buộc. Nhận chịu hình thể miệng lửa cổ kim, trải qua nhiều kiếp đói khát thiêu đốt, làm thân mang lông đội sừng, chạm mắt toàn lưới võng chằng chịt, hoặc đọa vào ngục Vô gián, ôm chịu khổ cùng cực mà thường ở nơi xe lửa, hoặc sinh trong cung A-tu-la khởi dậy đấu tranh mà luôn mưa dao kiếm, hoặc tạm ở nơi cõi người, chỉ trong sát-na mà tám thứ khổ nung nấu, hoặc chợt sinh ở cung trời bổng nhiên mà năm tướng suy vùi lấp sa đọa, lâu dài chìm đắm ba chướng, chẳng ra khỏi bốn ma, đều vì không biết Như Lai tạng tâm, mất diệu tánh duy thức, trái với cha lành chân thật, rong ruổi làm kẻ thuê mượn ở phương ngoài, bỏ vua đại trí, nương theo đến nước khác. Vì vậy, chư Phật lấy làm sợ vào nhà lửa, Tổ sư từ Tây vực lại chỉ bày quay về thân mà chẳng quay về, bày chánh kiến mà chẳng thấy, đều vì nơi tạng thức huân từ vô thủy bên chắc, tình chấp sâu dày mà như bờ băng muôn lớp, căn si sâu mà tự phòng tối ngàn trùng. Nay đây sừu tầm rộng yếu chỉ sâu mầu, chẳng ngại văn nhiều, hòa hợp với vi ngôn của ngàn thánh, thấu suốt bí thuyết của trăm nhà, không một pháp nào chẳng thuận, năng thành môn hiếu nghĩa, không một niệm nào chẳng hòa, đều là đạo vô thánh, thì sáu nhập không tự rốt ráo không người, trong nhà năm ấm chợt nhiên rỗng lãng. Vì vậy, trong không chỗ làm ngoài chẳng chỗ nương, ngoài không chỗ nương nên muôn hữu chẳng thể gông buộc, trong không chỗ làm nên ngàn lự

chẳng thể rong ruổi, bèn được lảng biên cương Phật, tuyệt một trần mà làm loạn, khuôn phép nước nhà, không một cảnh nào chẳng hàng, có thể gọi là hợp tánh trời ở thời nay lại không có giống khác. Định cha con ở ngày nay chỉ, nếp nhà của ta. Như trong kinh Ương-quật-ma-la nói: “Thường hưởng thọ tất cả khoái lạc của trời người, dòng tộc ưu thắng thấy đều bày đầy đủ. Đó là do nghe biết tất cả chúng sinh đều có Như Lai tạng thường trụ vậy. Cho đến các chúng sinh kia ở quá khứ tương lai và hiện tại sinh trong ngũ thú các chi tiết chẳng đầy đủ luân chuyển sinh tử chịu tất cả khổ, đó là do khinh mạn Như Lai tạng vậy?”

Hỏi: Chỉ rõ nhất tâm chẳng cầu các pháp, tiếp nối làm ngài sáng Tam bảo, tự hành chỉ dạy kẻ khác, có đắc quả vị diệu giác viên mãn chẳng?

Đáp: Giác tâm không biến đổi thì mở thấy biết của Phật, thấy biết của Phật mở thì không sâu tối nào chẳng trông nhìn, tướng không hai, mắt Phật trông thấy. Đạo một thật, trí Phật rõ biết, chiếu cùng ngần mé của pháp giới, suốt tận cùng đáy của chân nguyên, trên thành chư Phật, dưới hóa độ chúng sinh, không gì chẳng do đây, tự tha đều lợi. Phạm, muốn tu hành chân chánh mà chẳng quy hướng Tông kính thì đều đọa lạc tà tu, hoặc kẹt ở quyền tiểu, chánh nghĩa của tông kính đây, quá khứ mười phương chư Phật ở đây tu tròn đủ đã thành, hiện tại tất cả chư Phật trong thành, tương lai tất cả chư Phật sẽ thành. Quá khứ tất cả Bồ-tát đã học, hiện tại tất cả Bồ-tát đang học và vị lai tất cả Bồ-tát sẽ học. Do đó, trong luận Khởi Tín nói rõ: “Phải trước chánh niệm pháp của chân như”. Trong Thạch Bích Sao nói: “Nghĩa là tất cả hạnh môn đều từ chân như khởi nên, vì là hành nguyên vậy, chẳng phải hành của chân lưu, không vì kế hợp chân, sao có hành của kế hợp chân chẳng từ chân khởi”. Đó là căn bản của trong tin pháp vậy. Do đó, muôn duyên khởi nên, khởi từ chân như, nơi hợp duyên vào, vào ở chân như. Bồ-tát phát tâm, trước niệm chân như, Bồ-tát khởi tin cũng trước tin chân như, sở hành của Bồ-tát cũng kế hợp chân như.

Lại hỏi: Thế nào là tướng tin chân như?

Đáp: Chẳng tin tất cả pháp là tướng tin chân như, vì trong lý chân như vốn không các pháp, nếu thấy các pháp là có, là tin các pháp, chẳng tin chân như. Vì vậy, xưa trước không gieo trồng nhân duyên chủng tử nhất thừa Bồ-đề rộng lớn, rốt cùng khó khởi tin, nên Tổ sư có bài tụng rằng: “Duyên lớn cùng tin hợp, hoặc được vào Tông kính”. Vậy biết chẳng phải duyên nhỏ vậy. Như trong kinh Lăng-già nói: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Tuệ: nhiếp thọ chư Phật Bồ-tát Duyên giác

Thanh văn thì nhiếp thọ tất cả chúng sinh. Nhiếp thọ tất cả chúng sinh thì nhiếp thọ chánh pháp, nhiếp thọ chánh pháp thì giống Phật chẳng đoạn tuyệt. Giống Phật chẳng đoạn tuyệt thì năng rõ biết được nhập xứ thù thắng. Biết được nhập xứ thù thắng, Bồ-tát Ma-ha-tát thường được hóa sinh, dựng lập Đại thừa, mười sức tự tại hiện các sắc tướng, thông đạt các tướng hình loại chúng sinh, phiền não hy vọng mong cầu, như Phật mà giảng nói pháp”. Như thật là chẳng khác, như thật là tướng chẳng lại chẳng đi, tất cả hư ngụy dứt bật, đó gọi là như thật. Lại nói: Phật bảo: chỉ giác hiện lượng của tự tâm, vọng tưởng chẳng sinh, an ẩn khoái lạc, việc đời trọn dứt”. An ẩn khoái lạc thì tịch tĩnh diệu thường, việc đời trọn dứt thì phan duyên đã đoạn, có thể gọi là gặp được kho báu tròn đầy thì chóng dứt sự mong cầu. Đến Niết-bàn thường lạc càng không có nơi để đến, là ngăn mé của thánh phàm, như về đến quê nhà, là nơi nương tựa của mê ngộ đã tận cùng gốc rễ. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Kho báu kim cang, không khuyết giảm gì?”. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: “Các thứ biến hóa vô lượng sức. Tất cả thế giới đồng bụi trần, muốn đều thấu đạt từ tâm khởi, Bồ-tát dùng tâm mới phát đây”. Trong phẩm Bản tế không tướng, tên ở không tướng. Tên tướng đã lập, vọng hoặc bèn sinh. Lý nhất chân lắng, sự đạo tông ẩn. Do đó, chất phác của không tên thông khắp tất cả, không thể đặt gọi, quá hạn lượng giới một thể không hai”. Nên trong kinh nói: “Sum la và muôn tượng sở ẩn của một pháp tức là bản tế vậy”. Nhưng lý của bản tế không tư không tha, chẳng phải một chẳng phải khác, bao hàm một khí gồm vào muôn hữu, nếu lại có người tự tánh thanh tịnh bao hàm một mà sinh, trong không vọng tưởng tức gọi là thánh nhân, nhưng trong thật tế cũng không pháp Thánh nhân, như số vi trần mà có khác vậy. Nếu lại có người tự tâm thanh tịnh bao hàm một mà sinh, trong có vọng tưởng tự nhiên đục loạn, thì gọi là phàm phu, nhưng trong thật tế không có pháp phàm phu như số vi trần mà có khác vậy. Nên trong kinh nói: “Phật tánh bình đẳng rộng lớn khó lường, phàm Thánh chẳng hai tất cả viên mãn, hoặc khắp cùng cây cỏ, đủ đầy trùng kiến, cho đến bụi trần lông tóc không gì chẳng bao hàm một mà sinh. Nên nói: Nếu rõ biết một, muôn sự hoàn tất vậy. Vì thế, chúng sinh đều nhân một mà sinh, nên gọi là nhất thừa, nếu mê đó thì khác, giác ngộ đó thì một, nên nói niệm trước là phàm, niệm sau tức thánh. Lại nói: Một niệm biết tất cả pháp, do vì một tức tất cả, tất cả tức một, nên nói dùng pháp của một, công thành muôn tượng. Nên trong kinh nói: “Tất cả nếu có tâm tức mê, tất cả nếu không tâm tức khắp mười phương”, nên chân nhất muôn sai,

muôn sai chân nhất. Thí như biển vọt ngàn sóng, ngàn sóng tức biển, tất cả đều không có khác, cho đến tất cả muôn vật bao hàm một mà sinh, tức muôn vật kia cũng là một vậy. Tại sao? Vì gốc một nên ngọn thì không khác, thí như cây đàn mọc cành đàn, chẳng phải cây thông vậy. Nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng: “Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất thừa”. Nhất thừa tức là nhất tâm vậy. Tất cả muôn hữu mười phương hư không đều từ hạt giống của nhất tâm chân như hiện nên, như cây đàn sinh cành đàn, cây lan sinh lá lan. Cho đến gốc ngọn trong ngoài không có tướng khác. Nên nói một tức tất cả, tất cả tức một, nếu có khả năng như vậy, nào phải nghĩ nơi chẳng hoàn tất, nếu có khả năng như vậy thì rốt ráo viên thông. Ngoài đây ra thì không một pháp nào chẳng rõ, chỉ không lý nào mà chẳng sáng, không sự nào mà chẳng cùng tận, vì một pháp năng thành tất cả pháp vậy. Như trong Hoa Nghiêm sơ nói rằng: “Nếu vào quán pháp đây thì trí và tâm tương ứng. Vì là nhân do tâm học, quả là tâm thành, cảnh do tâm hiện, giải do tâm khởi. Phân vị thần thông là tâm, lực dụng tạo tác là tâm, hiện khởi phân biệt là tâm, quyết chọn sở đắc là tâm, cho đến tìm cầu tri thức, tạo tới cõi Phật thấy đều là tâm, ngoài tâm không đắc, nơi nào nghi ngờ ư? Nên biết tâm đơ cấu thì tướng Ta-bà hiện, tâm thanh tịnh thì hoa tạng bao hàm không, xoay chuyển mà luôn khởi bánh xe thức, xen lười mà chẳng phải lia tâm võng. Nên hải tràng chẳng khởi tịch định mà rộng làm môn Phật sự khắp mười phương, Thiện Tài không ra khỏi đạo tràng mà trải khắp pháp cả một trăm mười thành. Vì vậy, Văn thù tức tự tâm năng chứng diệu tuệ, Thiện Tài đến nơi Di lạc nhất tâm Phật quả tròn đầy sau, liền khiến thấy Văn thù, nhân vị sắp cùng cực nên khiến soi chiếu lại nguồn tâm, lại không có khác, chưa khởi động niệm, trở lại phỏng hỏi Văn thù, chẳng thấy thân đó là chỉ rõ tự tâm không là Bát nhã vậy, đó là thật thấy Văn thù, Phổ Hiền là diệu hạnh vô tận là sở chứng pháp giới của tự tâm. Thiện Tài tuy đi khắp pháp giới thanh học ở các thiện hữu, muốn thấy Phổ Hiền chẳng nhờ chỉ bày riêng bèn ở nơi hội đầu mới thàn trước tòa Như Lai mà khởi niệm cầu, tùy tâm liền hiện. Phổ Hiền ở trước Đức Như Lai mới đầu không động đổi thay. Đó là hiển bày quán tâm chân chánh tức thấy tướng hiếm lạ. Thấy nghe chứng vào thấy tướng trước, tức là thấy tâm. Vì vậy, thân tướng Phổ Hiền như hư không khắp tất cả xứ. Nên vì Bồ-tát Phổ Nhân v.v... vào trăm ngàn môn Tam-muội cầu tìm Phổ Hiền mà không thấy, chỉ nghĩa là lìa niệm vào định nhằm cảnh cầu chân, không biết trần trần là Văn thù, niệm niệm là Phổ Hiền. Vì vậy chỉ một mình Thiện Tài vận dụng

bi trí mà ngang khắp mười phương, tu nguyện hạnh mà dọc cùng tam tế, từ trước đến sau, nhân đầy quả tròn. Hiển bày rõ nhất tâm lấy làm khuôn mẫu, gồm nhiếp tất cả, mới bắt đầu hành Bồ-tát. Mọi người quán hành đều phổng học đó tu, lia quán tâm đây riêng không thù thắng. Cho đến lục độ vạn hạnh, nếu chẳng rõ tự tâm, đều thành quyền tiệm. Quả quy về sinh diệt, báo ở trong trời người. Nếu năng vận tâm thì phước tuệ vô tận. Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Bồ-tát Ma-ha-tát biết thật tướng các pháp, không lấy không bỏ, không chỗ phá hoại, hành Bát nhã Ba-la-mật không thể được, dùng tâm đại bi trở lại tu phước hạnh. Môn đầu tiên của phước hạnh là trước hết thực hành bố thí. Bồ-tát hành Bát nhã Bà-la-môn trí tuệ sáng lợi, năng phân biệt phước hti. Vật thí tuy đồng, mà phước đức có ít nhiều là tùy do tâm hơn kém. Như Xá-lợi-Phật đem một bát cơm dâng lên cúng Phật. Phật lại đem cơm ấy cho chó ăn, mà hỏi Xá lợi Phật rằng: “Ông đem cơm dâng cúng ta, ta lại đem cơm đó cho chó. Như vậy, ai được nhiều phước?”. Xá-lợi-phật thưa: “Theo con hiểu nghĩa Phật pháp thì Phật đem cơm đó cho chó ăn là được nhiều phước”. Xá-lợi Phật là bậc trí tuệ tối thượng trong tất cả mọi người, mà ruộng phước của Phật rất là đệ nhất, chẳng bằng Phật thí cho chó là ruộng xấu vậ mà được phước rất nhiều. Do đó nên biết phước lớn từ tâm sinh, chẳng tại ở ruộng vậy. Như- Xá -lợi Phật gấp bội ngàn ức vẫn chẳng kịp tâm Phật.

Hỏi rằng: Như ông nói ruộng phước tốt nên được chẳng kịp tâm Phật, Xá lợi Phật cúng dường Phật nhưng không được phước lớn là tại sao?

Đáp: Ruộng đất tuy là được phước nhiều, mà chẳng bằng tâm. Tại sao? Tâm là chủ bên trong, ruộng là sự bên ngoài. Trong kinh Bồ-tát Bản Duyên có kệ tụng rằng: “Nếu lúc hành tuệ thí, ruộng phước tuy chẳng sạch năng sinh tâm rộng lớn, quả báo không thể lường”. Nên biết phước từ tâm sinh, chẳng phải từ ruộng ra. Riêng thỉnh năm trăm vị A-la-hán chẳng bằng theo thứ tự thỉnh một vị phạm tăng. Tại sao? Vì tâm bình đẳng ưu thắng. Tâm lấy bỏ phước kém nhỏ, thì hơn kém do tâm, đâu tại ruộng ư? Thí pháp đã vậy, lục độ vạn hạnh cũng vậy. Do đó, trong Thanh Lương sao nói rằng: “nhân gồm biển quả, quả suốt nguồn nhân”. Vì nêu quả do ở tin mới đầu, tin y tựa bản trí mà khởi, nay chẳng lia bản trí, nên đó là do nhân mà thành quả, nhiếp quả báo đáp nhân. Nhưng, nhân có hai thứ: một là ,nói về bản hữu, tức hằng sa tánh đức tin hiểu hạnh nguyện v.v... không gì chẳng đầy đủ. Hai là căn cứ tu khởi, nghĩa là y tựa đức vốn tin mà khởi tâm tin, y tựa đức vốn hiểu mà khởi

tâm hiểu. Như trong luận Khởi Tín nói: “Vì biết pháp tánh không xan tham nên tùy thuận tu hành Đàm Ba-la-mật v.v... mỗi mỗi tu khởi đều mang theo bản hữu đều lại đến quả, không gián cách giữa đường một thời chóng viên mãn, trong đạo giải thoát, nhân quả suốt cùng, gọi là đắc quả. Quả cũng có hai: một là bản hữu Bồ-đề Niết-bàn, tất cả Phật tánh bản giác đầy đủ vậy. Hai là tu khởi nay chứng Bồ-đề thì giác tỏ ngộ vậy. Thủy giác đồng bản, không có khác giữa thủy và bản, gọi là cứu cánh giác hai quả vô ngại. Nhưng hai nhân vốn từ trên thể bản giác khởi lại thì hai nhân cùng bản quả vô ngại. Thủy giác đã đồng với bản giác, thì quả toàn cầu đồng ở hai nhân, thì hai nhân cùng hai quả giao triệt, nên nhân gần biển quả, quả suốt nguồn nhân. Lại nữa, lúc mới phát tâm bèn thành chánh giác, là nhân gần quả vậy”. Trong luận Hoa Nghiêm nói: “Thiện Tài phát tâm trong một niệm, chóng thành không năng sở, rõ tánh ba đời, tánh tuyệt xưa nay, tự giác tự tâm xưa nay là Phật, chẳng thành chánh giác, chẳng chứng Bồ-đề, thân tâm tánh tướng không có tu chứng, chẳng thành chẳng hoại xưa nay như vậy. Tùy duyên động tịch chẳng hoại có không, các thành sở hành đều chỉ trí khởi”. Yếu chỉ của Tông kính đây là chỗ biết của trí khéo léo, chỗ tin của tâm rộng lớn. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết các thứ sở duyên của tất cả chúng sinh, chỉ là một tướng đều không thể được, tất cả các pháp đều như, trí kim cang khéo léo. Do đó, trên đến địa vị diệu giác cực thánh, giữa khắp các môn tu hành của Bồ-tát đại quyền, dưới đến tận đáy địa vị của phàm phu sinh tử, đều đồng một tâm không có cao thấp. Mê đó thì tự đọa, ngộ đó thì tự thăng, mê ngộ tự khác chân tâm chẳng đổi, các bậc Cổ đức nói: “Chẳng tắc vuông gương hư phụ tánh linh”. Lại nói: “Tự mình chẳng tỏ sáng, thì là luống, nhận thọ các vật”. Mở bày như vậy, chẳng phụ cơ trước, dao thật gìn giữ kho vua, được chánh vị của Tuyết sơn, người chứng tin hiểu vào, tiếp nối làm người sáng ngay Bảo vương, người thấy nghe tùy hỷ, năng thành Phật chủng. Ân đó khó báo, chẳng ngang bằng tâm thường, đảm nhận vai mang đầu đội suốt trong số kiếp như cát sông Hằng, cũng chẳng thể báo đáp được ân của một câu, kính ngưỡng tư duy về người cầu pháp xưa trước, như Đức Thích-ca Văn v.v... gieo mình vào lửa lớn, kiếng chân giữa rừng sâu, chẻ cốt lột thân, bóc da chích máu, cho đến Thường Đề đến phương Đông thừa thỉnh, Thiện Tài lại phương Nam cầu tìm, bậc sĩ vì pháp quên thân. Nay khuyên hàng hậu học sinh tâm ân trọng, chớ được tự khinh rỗng ném rất quanh cảnh.

Hỏi: Diệu minh chân tâm là một chỉ của giác vương, lý tuy viên

đốn mà chánh giác khó thành, lại mong cầu môn khéo léo, có trùng chứng tin của tương lai chăng?

Đáp: Trước đã dẫn pháp nói, nay lại dùng thí dụ để tỏ sáng Tông kính đây. Nhất tâm là tự tánh của các pháp, như một hạt châu có tám vụn bốn ngàn lỗ, vào một lỗ toàn thân thể châu, tự một vầng nguyệt, ảnh hiện tất cả sông, mỗi mỗi ảnh chẳng lìa vầng nguyệt. Lại, như phân chiên- đàn trắng miếng miếng mà mùi hương gốc chẳng khác, như trái dương xanh khiến xứ xứ sắc xuân đều đồng. Vậy thì một pháp sáng tỏ tâm, muôn duyên như các ngón trên lòng bàn tay, rõ ràng pháp dụ, có thể hết nghi ngờ.

Hỏi: Phàm nói nêu tông là trình bày ngay chánh nghĩa, sao phải dẫn dụ rộng đủ nhiều văn?

Đáp: Vì người chưa ngay đó chóng ngộ, không thể không phương tiện. Như trong luận Phương tiện tâm nói: “Nếu căn cứ thí dụ là phàm thánh đồng hiểu, sau đó có thể nói, như nói tâm đó động phát giống như gió nhanh, tất cả phàm phu đều biết gió động vậy, bèn được quyết rõ tâm là khinh thác. Nếu như không biết, thì không được làm thí dụ.

Hỏi: Cớ sao chẳng chỉ nói chánh nghĩa mà nói thí dụ vậy?

Đáp: Phàm nói thí dụ là vì rõ chánh nghĩa. Lại nói: Phàm muốn lập nghĩa phải y tựa bốn thứ thấy biết. Những gì là bốn? Một là hiện thấy, hai là so sánh biết, ba là thí dụ biết, bốn là theo Kinh giáo. Lại nữa, trong kinh Pháp Hoa nói: “Người trí có thể do thí dụ mà được hiểu”. Nay chỉ lấy hiểu chánh tròn sáng, chẳng phải luận bàn pháp nói thí dụ nói. nếu chẳng ngộ đạo ngộ chấp dứt tuyệt lời, nay điều nói đều là lời nâng tông xướng đạo, thuyết cùng nguyên cực diệu. Như nói muôn câu nói phiếm chẳng bằng một câu diệu lý, ngàn bạc mắt cá chẳng bằng tác thẳng minh châu. Phàm, một câu diệu lý tức là lời của Tông kính vậy. Lời đó có thể biện giải mà tự thông không thể hiểu mà tự giải thích. Do đó nói: “Lời thiện chẳng biện giải, biện giải lời chẳng thiện”.

Hỏi: Yếu chỉ Phật khai mở giáo đốn tiệm, thiền môn phân tông Nam Bắc, nay xiển dương đây y tựa Tông giáo nào?

Đáp: Luận kiến tánh minh tâm đây chẳng rộng phân tông phán giáo, riêng nêu ngay và đốn ngộ viên tu, cũng chẳng lìa nơm lưỡi mà cầu giải thoát, trọn chẳng chấp văn tự mà mê bản tông. Nếu y tựa giáo là Hoa Nghiêm tức bày văn nhất tâm rộng lớn. Nếu y tựa tông tức Đạt-ma, hiển bày thẳng yếu chỉ tâm tánh chúng sinh như Thiền sư Tông Mật lập ba tông ba giáo, hòa hợp tổ giáo, nhất tế dung thông. Ba tông của Thiền đức: một là, tông dứt vọng tu tâm, hai là, tông hết tuyệt vô

ký, ba là, tông hiển bày thẳng tâm tánh. Ba thứ giáo: một là, giáo mật ý y tựa tánh nói tướng, hai là, giáo mật ý phá tướng hiển bày tánh, ba là, giáo hiển bày chân tâm tức tánh. Trước thuật về thiền tông. Thứ nhất, dứt vọng tu tâm là nói chúng sinh tuy vốn có Phật tánh mà từ đó vô thủy vô minh che lấp đó không thấy nên luân hồi sinh tử, chư Phật đã đoạn dứt vọng tướng, thấy tánh rõ ràng ra khỏi sinh tử, thần thông tự tại, phải biết phàm thánh công dụng chẳng đồng. Cảnh bên ngoài do tâm vậy, mỗi có phân hạn nên phải bỏ trái cảnh quán tâm diệt dứt vọng niệm, niệm hết thức giác, không đâu chẳng biết, như gương mờ tối bởi bụi trần, bụi hết thì sáng hiện, phải tu thiền quán xa lìa não tạp, điều hơi thở điều thân. Tâm chuyên chú một cảnh v.v... Thứ hai, hết tuyệt vô ký là nói các pháp phàm thánh v.v... đều như mộng huyễn, đều không sở hữu, xưa nay không tịch, chẳng phải nay mới không, tức trí của thấu đạt không đây cũng không thể được, pháp giới bình đẳng không Phật và chúng sinh. Pháp giới cũng là giả danh, tâm đã chẳng có, ai nói pháp giới? Không tu chẳng tu, không Phật chẳng Phật, nếu có một pháp ưu thắng hơn Niết-bàn, ta nói cũng như mộng huyễn, pháp giới có thể câu thúc, không Phật có thể làm, phàm có làm gì đều là mê vọng. Như rõ đạt xưa nay không việc gì không tâm không chỗ cậy, mới khỏi điên đảo, mới thành giải thoát. Thứ ba, hiển bày ngay tâm tánh, là nói tất cả các pháp, hoặc có hoặc không đều chỉ chân tánh không tướng vô vi, thể chẳng phải tất cả, nghĩa là chẳng phải phàm, chẳng phải thánh. Nhưng, dụng của tức thể, nghĩa là năng phàm năng thánh v.v... chỉ bày ở trong, tâm tánh lại có hai thứ: một là, tức nay năng nói năng động tác tham sân từ nhân tạo thiện ác nhận chịu khổ vui v.v... tức là Phật tánh của người, tức xưa nay đó là Phật, trừ đó ra không riêng có Phật, rõ thiên chân đó tự nhiên vậy, không thể khởi tâm tu đạo, đạo tức là tâm, tánh như hư không chẳng thêm chẳng bớt, chỉ tùy thời tùy xứ, dứt nghiệp dưỡng thần, tự nhiên thần diệu, đó là chân ngộ. Hai là, các pháp như mộng các thánh đồng nói, vọng niệm vốn tịch, trần cảnh vốn không. Tâm của vốn không linh tri chẳng mờ tối, tức biết của không tịch đó, biết lại không niệm không hình, ai làm tướng ta tướng người? Giác ngộ các tướng không, tâm tự không niệm, niệm khởi tức giác, giác đó tức diệu môn không tu hành, chỉ tại đây vậy. Hai thuyết trên đây đều là hợp tướng về tánh, nên đồng một tông. Tiếp theo, ba thứ giáo của Phật: thứ nhất, Mật ý y tựa tánh nói tướng, là Phật nói ba cõi sáu đường đều là tướng của chân tánh, chỉ là chúng sinh mê tánh mà khởi, không tự thể riêng biệt, nên nói là y tựa tánh, nhưng hạ căn độn vốn khó khai

ngộ nên tạm tùy tướng cảnh kẻ khác thấy, mà giảng pháp dần dần độ đó nên nói là nói tướng. Nói chưa hiển bày rõ ràng nên gọi là mật ý, trong giáo thứ nhất này tự có ba loại: một là giáo nhân quả người trời, nói nghiệp báo thiện ác khiến biết nhân quả, hai là giáo đoạn hoặc diệt khổ, nói khổ của ba cõi không an giống như nhà lửa, khiến đoạn tập của nghiệp và hoặc, tu đạo chứng diệt v.v... Ba là giáo đem thức phá cảnh, nói các pháp sinh diệt v.v... trên không liên quan gì chân như, chỉ mỗi chúng sinh đó từ vô thủy đến nay, pháp ấy có tám thức. Trong đó thức thứ tám là căn bản, chóng biến căn thân khí giới chủng tử chuyển sang bảy thức, mỗi mỗi năng biến hiện sở duyên của tự phần, ngoài tám thức đó đều không có pháp thật.

Hỏi: Biến thế nào ư?

Đáp: Do sức huân tập của ngã pháp tận diệt, các thức lúc sinh biến tợ như ngã pháp, hai thức thứ sáu và thứ bảy do vô minh che lấp, duyên chấp đó lấy làm ngã pháp thật, như mắc bệnh mộng là do sức của bệnh mộng vậy. Tâm tợ các thứ tướng cảnh bên ngoài hiện, lúc mộng chấp là thật có vật bên ngoài, lúc tỉnh lại mới biết chỉ là mộng biến nên thân tướng ta đây và thế giới bên ngoài cũng lại như vậy, chỉ thức biến nên, mê nên chấp có ngã và các cảnh, đã ngộ thì vốn không ngã pháp chỉ có tâm thức, bèn y tựa trí hai không đó tu duy thức quán và các hạnh lục độ tứ nhiếp v.v... dần dần phục đoạn hai chướng phiền não và sở tri, chứng chân như hiển bày hai không, mười địa viên mãn, chuyển tám thức thành bốn trí Bồ-đề, chân như hết sạch chướng, thành pháp tánh thân, quả vị Đại Niết-bàn. Đem thức phá cảnh đây, cùng với dứt vọng tu tâm ở trong thiền môn mà cũng phù hội, vì biết cảnh bên ngoài đều không nên chẳng tu sự tướng cảnh bên ngoài, chỉ dứt vọng tu tâm vậy. Dứt vọng của ngã pháp, tu tâm của duy thức. Thứ hai mật ý phá tướng hiển bày tánh là căn cứ liễu nghĩa chân thật thì vọng chấp vốn không, lại không thể phá. Các pháp vô lậu là chân tánh tùy duyên diệu dụng trong chẳng đoạn tuyệt. Lại không nên phá, chỉ vì một loại chúng sinh chấp tướng hư vọng, chướng ngại Phật tánh chân như, khó đắc huyền ngộ vậy. Phật lại chẳng phân chọn thiện ác tánh tướng dơ sạch, tất cả đều trách phá, vì chân tánh và diệu dụng chẳng không mà tạm nói là không, nên nói là mật ý. Lại nữa, ý tại hiển bày tướng, ngữ là phá tướng, ý chẳng hình trong lời, nên nói là mật vậy. Giáo đây nói cảnh sở biến trong giáo trước đã đều là hư vọng, thức năng biến đâu riêng chân thật, tâm cảnh qua lại y tựa không mà tợ có. Vả lại, tâm chẳng riêng khởi, gá cảnh mới sinh. Cảnh chẳng tự sinh, do tâm nên hiện, tâm như

cảnh rơi rụng, cảnh diệt tâm không, đều mượn các duyên, không có tự tánh vậy. Vì thế, tất cả các pháp, không gì chẳng là không, phàm có hình tướng đều là hư vọng. Vì vậy, trong không không có năm ấm, sáu căn. Nhân duyên, bốn đế, không trí cũng không đắc, sinh tử Niết-bàn đều bình đẳng như huyền, giáo đây cùng với tông hết tuyệt vô ký của thiền môn toàn đồng. Thứ ba, hiển bày chân tâm tức tánh, là chỉ bày ngay tự tâm tức là chân tánh, chẳng ước về sự tướng mà chỉ bày, cũng chẳng ước về phá tướng mà chỉ bày, nên nói là tức tánh, chẳng phải ý phương tiện ẩn mật nên nói là chỉ bày, giáo đây nói tất cả chúng sinh đều có chân tâm không tịch, từ vô thủy đến nay tánh tự thanh tịnh, sáng rõ không mờ tối, rành rẽ thường biết, suốt tận ngàn mé vị lại thường trụ chẳng diệt, gọi là Phật tánh, cũng gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là tâm địa, lưu truyền của Đạt- ma là tâm đó vậy.

Hỏi: Đã nói là tánh tự rõ ràng thường biết, sao lại phải có chư Phật mở bày?

Đáp: Nói biết đây, chẳng phải là chứng biết, ý nói chân tánh chẳng đồng hư không gỗ đá. Nên nói là biết, chẳng phải như thức của duyên cảnh phân biệt, chẳng phải như trí của chiến thể rõ đạt. Đó là tánh của chân như tự nhiên thường biết. Trong luận Khởi Tín nói: “Chân như là tự thể chân thật thức trí”. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Chân như chiếu sáng làm tánh”. Lại nữa, trong phẩm vấn minh nó: “Trí và tri (biết) có khác nhau chăng?” Trí hạn cục ở thánh, chẳng thông với phàm. Tri tức thánh phàm đều có, thông ở lý trí. Các Bồ-tát giác thủ v.v... hỏi Bồ-tát Văn thù- Sư -lợi rằng: “Những gì là trí cảnh giới của Phật? Những gì là tri cảnh giới của Phật?”. Bồ-tát Văn thù- Sư -lợi dùng kệ tụng đáp rằng: “Trí chư Phật tự tại, ba đời không chỗ ngại. Tuệ cảnh giới như vậy, bình đẳng như hư không”. Lại có kệ tụng khác nói: “Chẳng phải nơi thức biết, chẳng phải cảnh giới tâm, tánh đó vốn thanh tịnh, mở bày các quần sinh”. Đã nói là vốn tịnh là chẳng đợi đoạn hoặc, tức biết quần sinh xưa nay đều có, chỉ bởi hoặc che lấp mà chẳng tự biết, nên trong kinh Pháp Hoa mở bày khiến được thanh tịnh tức là bảo tánh trong luận nói là lìa cấu thanh tịnh vậy. Tâm đó tuy tự tánh thanh tịnh, trọn phải ngộ tu mới được rõ ráo. Kinh luận nói rõ có hai thứ thanh tịnh hai thứ giải thoát, hoặc chỉ được lìa cấu thanh tịnh giải thoát, hủy bỏ tức tâm tức Phật của Thiền môn, hoặc chỉ biết tự tánh thanh tịnh giải thoát, khinh thường ở giáo tướng, bài xích các hạnh trì luật tọa thiền v.v... không biết hẳn phải đốn ngộ tự tâm thanh tịnh tự tánh giải thoát, niệm tu khiến được lìa cấu thanh tịnh, lìa chướng giải thoát, thành thanh tịnh viên mãn, giải

thoát rốt ráo, hoặc thân hoặc tâm không nơi ngưng kẹt. Đồng như Phật Thích-ca, trong kinh hỏi gì là trí cảnh giới của Phật? Hỏi đó là trí của chúng ngộ. Hỏi gì là tri cảnh giới của Phật? Hỏi đó là chân tâm vốn có. Đáp là trí tức trí chư Phật tự tại, ba đời không chỗ ngại. Đáp tri (biết) là chẳng phải nơi thức biết, chẳng phải cảnh giới tâm. Thức là phân biệt, phân biệt chẳng phải thật, chỉ không niệm mới thấy. Lại như dùng trí chứng đó tức thuộc cảnh sở thuyên, biết thật chẳng phải là cảnh giới vậy. Liếc khởi tâm chiếu tức chẳng phải biết thật, chẳng phải cảnh giới tâm vì chẳng khởi tâm là huyền diệu. Vì tập khởi nên gọi là tâm, khởi tâm trông nhìn tức là vọng tưởng, nên chẳng phải biết thật. Do đó, biết thật hẳn là hư rộng tâm, trừ bỏ chiếu là tuyệt đường ngôn ngữ nghĩ suy vậy. Bắc tông khán tâm là mất chân chỉ, nếu có thể khán tức là cảnh giới vậy. Trong luận Bảo Tạng nói: “Biết có có hoại, biết không không hoại, biết của biết đó, có không chẳng chấp”. Biết của tự thể chân tâm đây tức tâm không duyên, chẳng nhờ mượn tác ý, mặt tình thường biết, chẳng phải giãi trải có không, trọn vượt năng sở. Hòa thượng Thủy Nam nói: “Dụng của tức thể gọi là tri (biết), thể của tức dụng là tịch, như thời của tức đèn là sáng, thời của tức sáng tức là đèn. Đèn là thể, sáng là dụng, không hai mà hai vậy. Lại nói: “Chỉ một chữ biết là môn của các diệu”. Như vậy, mở bày tâm linh tri tức là chân tánh cùng Phật không khác nên nói hiển bày chân tâm tức tánh giáo, toàn đồng với tông thứ ba là hiển bày ngay tâm tánh của Thiền môn. Đã là Mã Minh nêu tâm làm bản nguyên, Văn thù chọn biết làm chân thể, cơ sao bọn phá tướng chỉ nói tịch diệt, chẳng chấp nhận nhà chân như nói tướng, chấp phạm khác thánh, chẳng chấp nhận tức Phật. Nay nói về giáo phán định chánh vì hạng người đó nên truyền tâm ở Tây Vực phần nhiều gồm cả kinh luận không hai đường vậy, chỉ vì phương này mê tâm chấp văn, lấy sinh làm thể vậy. Tổ sư Đạt Ma khéo léo chọn văn truyền tâm. Nêu cử danh đó (tâm là danh vậy) ngầm bày thể đó (biết là tâm vậy), dùng Bích quán để dụ khiến tuyệt các duyên, tuyệt các duyên thời.

Hỏi: Có đoạn diệt chẳng?

Đáp: Tuy tuyệt các niệm cũng chẳng đoạn diệt.

Hỏi: Lấy gì làm chứng nghiệm mà nói là chẳng đoạn diệt?

Đáp: Rõ ràng tự biết, nói không thể kịp. Sư Tức Ấn nói: “Chỉ đó là tự tánh tâm thanh tịnh”. Lại chớ nghi ngờ vậy, nếu lời đáp chẳng khế hợp tức chỉ ngăn các quấy, lại khiến quán sát, rốt ráo chẳng cùng người khác trước nói chữ biết, phải đợi người khác tự ngộ mới nghiệm chân thật, là thân chứng thể đó, sau mới ẩn đó khiến tuyệt các nghi ngờ khác,

nên nói mặc truyền tâm ấn. Nói mặc là chỉ chữ mặc tri (im lặng biết), chẳng phải trọn không nói. Sáu đời tương truyền đều là như vậy. Đến thời Hà Trạch, tông khác tranh đua khởi, muốn cầu mặc khế, chẳng gặp cơ duyên. Lại tư duy lời dự ghi Huyền Ty của Tổ sư Đạt-ma (Tổ sư Đạt-ma nói pháp ta đến đời thứ sáu về sau, mạng như treo bằng sợi tơ). Nên sợ tông chỉ tuyệt diệt, bèn nói chỉ một chữ biết là môn của các diệu.

Hỏi: Ngộ tâm đó rồi, làm sao tu đó? Hay trở lại y cứ mới đầu nói trong tương giáo, khiến tọa thiền ư?

Đáp: Nếu hôn trầm sâu dày khó thể khuyên phát, trạo cử mạnh mẽ không thể ép phục, tham sân si mạnh xúc cảnh khó chế ngăn, tức dùng các thứ phương tiện của trong giáo trước để tùy bệnh mà điều phục. Nếu là phiền não nhỏ mỏng, tuệ giải sáng lanh, tức y tựa bản tông, Nhất hạnh Tam-muội, như trong luận Khởi Tín nói: “Nếu người tu chỉ, trụ ở nơi tĩnh, thân thẳng chánh niệm, chẳng y tựa hơi thở hình sắc, cho đến duy tâm, không cảnh giới bên ngoài”. Trong kinh Pháp Cú có kệ tụng nói: “Nếu học các Tam-muội, là động chẳng phải thiền, tâm tùy cảnh giới trôi, làm sao gọi là định?”. tức chẳng khởi diệt định, hiện oai nghi đi ngồi, chẳng đối với ba cõi, hiện thân ý phan duyên, nhưng trong giáo đây dùng tâm tánh nhất chân, đối với các pháp nhiệm tịnh toàn chọn toàn thâu. Toàn chọn là như nói ở trên, chỉ là khắc thể chỉ ngay linh tri tức là tâm tánh, ngoài ra đều là hư vọng, nên nói chẳng phải thức chẳng phải tâm, chẳng phải cảnh chẳng phải trí, cho đến chẳng phải tánh, chẳng phải tướng. Chẳng phải Phật chẳng phải chúng sinh, lìa tứ cú tuyệt trăm phi vậy. Toàn thâu là các pháp nhiệm tịnh, không gì là chẳng là tâm, tâm mê nên vọng khởi hoặc nghiệp, cho đến bốn loài sáu đường, cõi nước uestạp. Tâm ngộ nên từ thể khởi dụng tứ đẳng lục độ. Cho đến bốn biện sáu thông thân đẹp nước sạch không gì chẳng hiện. Đã là tâm đó hiện các pháp vậy, pháp pháp toàn tức chân tâm, như người mộng hiện nên các sự, mỗi mỗi sự đều là người, như vàng làm đồ dùng, mỗi mỗi đồ dùng đều là vàng, như gương hiện ảnh, ảnh ảnh đều là gương. Nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết tất cả pháp tức tự tánh tâm, thành tựu tuệ thân, chẳng do kẻ khác khiến ngộ”. Trong luận Khởi Tín nói: “Ba cõi hư nguy chỉ do tâm tạo, lìa tâm thì không cảnh giới sáu trần, cho đến tất cả phân biệt đều phân biệt tự tâm. Tâm chẳng thấy tâm, không tướng có thể đắc, nên nói tất cả pháp như ảnh tượng trong gương”. Trong kinh Lăng-Già nói: “Tịch diệt gọi là nhất tâm, nhất tâm gọi là Như Lai tạng, năng đầy khắp tạo tất cả thú sinh, tạo thiện tạo ác, thọ vui chịu khổ, quả cùng với nhân, nên biết tất cả không

gì chẳng phải là tâm vậy. Môn toàn chọn gồm sáu giáo phá tướng thứ hai ở trước, môn toàn sáu gồm sáu giáo nói tướng thứ nhất ở trước. Đem trước trông xem đây, đây thì chóng khác so với trước. Đem đây trông xét trước, trước thì toàn đồng so với đây. Sáu hẳn gồm sáu, sáu chẳng đến sáu. Sáu là hiển bày ra ngay thể của chân tâm, mới ở trong chọn tất cả sáu tất cả, sáu chọn tự tại tánh tướng vô ngại như vậy mới năng đối với tất cả đều không nói trụ. Chỉ đây gọi là liễu nghĩa. Ba giáo nói trên là sở tông nhiếp hết tất cả kinh luận của một đời Đức Phật giảng nói. Ba nghĩa toàn khác, một pháp không riêng biệt, căn cứ trong ba nghĩa thì thứ nhất và thứ hai là không và có tướng đối, thứ ba và thứ nhất là tánh tướng tương đối, đều xa xôi dễ thấy, chỉ có thứ hai và thứ ba là phá tướng và hiển bày tánh tướng đối. Giảng giả, thiền giả đều mê là đồng một tông một giáo đó, đều vì phá tướng bèn là chân tánh. Nên nay biện giải rộng về Không tông và Tánh tông có mười điểm khác nhau đó. Không tông chỉ phá tướng, Tánh tông chỉ hiển tánh, quyền thật có khác, già biểu (ngăn bày) toàn khác, không thể dùng lời nói để ngăn phân tích xua tan mỏng, bày xếp tình phá chấp, làm giáo biểu thuyên bày ngay, dựng lập hiển tông. Lại không thể dùng thuyết đợi cơ dẫn dụ Quyền tiệm một thời làm ưu tối, sau toàn đề cao môn thấy tánh chân thật, phán giáo phân tông như trên, ngôn từ ước lược nghĩa ý phong phú rất là khác tuyệt, trước thì rành rẽ chẳng lạm sau thì một vị dung thông, có thể đánh tan giải mở các nghi ngờ năng quy về Tông Kính. Mười khác nhau đó là:

- Một là, khác về pháp nghĩa chân tục là, không tông chưa hiển bày chân tánh, chỉ dùng tướng của tất cả sai biệt làm pháp. Pháp là Tục đế, chiếu các pháp đó, vô vi không tướng không sinh không diệt làm nghĩa, nghĩa là Chân đế. Tánh tông lấy tánh nhất chân làm pháp, các thứ sai biệt như có không v.v... làm nghĩa. Trong kinh nói: “Vô lượng nghĩa là từ một pháp sinh”. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Pháp là biết tự tánh, nghĩa là biết sinh diệt”.

- Hai là, khác về tâm tánh hai tên là, không tông một hướng nhắm bản nguyên các pháp làm tánh. Tánh tông phần nhiều nhắm vào bản nguyên các pháp làm tâm. Trong luận Khởi Tín nói: “Tất cả các pháp từ xưa đến nay chỉ là nhất tâm. Do vì nói bản tánh chẳng chỉ không tịch mà là tự nhiên thường biết vậy, nên nhắm đặt đó làm tâm”.

- Ba là, khác về chữ tánh có hai thể là không tông lấy các pháp không tánh làm tánh, tánh tông lấy thể rõ sáng thường trụ chẳng không làm tánh, chữ tánh tuy đồng mà thể khác vậy.

- Bốn là, khác về chân trí chân tri, không tông lấy phân biệt làm tri, lấy không phân biệt làm trí, trí sâu tri cạn. Tánh tông lấy diệu tuệ năng chứng Thánh lý làm trí, lấy chân tánh gồm ở lý trí thông ở Thánh phàm làm tri, tri thông trí hạn cuộc. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Chân như chiếu sáng làm tánh”. Luận Khởi Tín nói: “Tự thể chân như chân thật thức tri (hay biết)”.

- Năm là, khác về có ngã và không ngã, không tông lấy có ngã làm vọng, không ngã làm chân, tánh tông lấy không ngã làm vọng, có ngã làm nhân, nên trong kinh Niết-bàn nói: “Không ngã gọi là sinh tử, ngã gọi là Như Lai”.

- Sáu là, khác về ngăn phân tích và bày phân tích. Ngăn xua trừ điều quấy đó. Bày là hiển bày điều phải đó. Lại, Ngăn là chọn tức các dư, Bày là bày ngay đương thể, như trong các kinh nói: “Chân như diệu tánh, mỗi nói là chẳng sinh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, không nhân không quả, không tướng vô vi, chẳng phải phàm chẳng phải Thánh, chẳng phải tánh chẳng phải tướng v.v...”, đều là ngăn phân tích, xua quấy gạt vết tuyệt tướng dứt tình. Còn nếu nói thấy biết giác chiếu Linh giám quang minh, lằng lằng chiêu chiêu đường đường tịch tịch v.v... đều là bày phân tích. Nếu không thể của thấy biết v.v... hiển pháp gì làm tánh? Nói pháp nào chẳng sinh chẳng diệt v.v... đều phải nhận được hiện tại rõ ràng, mà biết tức là tự tánh của ngã, mới nói biết đó chẳng sinh chẳng diệt v.v... Như nói muối mà nói chẳng nhạt là ngăn, nói mặn là bày. Nói nước mà nói không khô là ngăn, nói ướt là bày. Không tông chỉ có ngăn, tánh tông có cả ngăn cả bày. Người thời nay đều cho rằng ngăn ngôn là sâu, bày ngôn là cạn. Nên chỉ trọng lời nói chẳng phải tâm chẳng phải Phật, vô vi không tướng, cho đến tất cả chẳng thể được. Do vì chỉ dùng từ ngăn quấy làm diệu, chẳng muốn thân gần tự chứng nhận pháp thể, nên như thế đó. Lại, nếu thật biết tâm ta chẳng đồng hư không, tánh tự thân giải, chẳng phải từ kẻ khác khiến ngộ, đâu gá nhờ duyên sinh, nếu chẳng đối có tùy thế ngữ ngôn, ở trên tự tánh còn không có từ của biểu bày chân thật, sao có thuyết phương tiện ngăn quấy? Như nay, người thật chưa thân chứng thấy tánh, chỉ học đòi y tựa thông trình truyền ý giả, chỉ lấy diệu trong ngôn ngữ, dùng văn của ngăn quấy hết sạch làm cùng cực thì vì chưa thấy chắc thật vậy, nên ở Thật địa, một hướng gá không, tùy lời chuyển nên gần lại rất thanh chẳng thể ngăn đó. Nếu chẳng nhân các bậc tiên hiền đời trước học rộng nghe nhiều, vào sâu trong Biển giáo khéo đạt Thiên tông thì sao có thể tinh tế chỉ bày thủy chung hòa hợp, hiển ra tánh nhất linh, vạch

mở nguồn muôn pháp. Vì vậy ghi biên đầy đủ văn từ cốt yếu đồng tỏ rõ Tông Kính.

- Bảy là, khác về Nhận danh nhận thể, nghĩa là Phật pháp hay thế pháp mỗi mỗi đều có sinh thể. Vả lại, như thế gian gọi là đại, chẳng gì hơn bốn vật, như trong luận Đại Trí Độ nói: “Địa, thủy, hỏa, phong là danh của bốn vật, cứng ướt nóng động là thể của bốn vật”. Nay tạm nói về thủy. Nếu có người hỏi: Từng nghe lắng đó tức trong, hỗn đó tức đục, nếp đó tức dừng, khơi đó tức chảy. Mà năng tưới bốn muôn vật, tẩy rửa uế nhơ, đó là vật gì? (Nêu nghĩa công năng dùng mà hỏi đó). Đáp: Đó là nước (nêu danh để đáp vậy). Người ngu nhận danh (tên gọi) mà cho là đã hiểu, người trí nên lại hỏi rằng: Gì là nước? (Nêu thể đó vậy). Đáp: Ướt tức là nước (khắc thể chỉ vậy). Phật pháp cũng vậy, nếu như có người hỏi: Từng nghe các kinh nói: mê đó tức dơ, ngộ đó tức sạch, buông đó tức phạm, tu đó tức Thánh, năng sinh tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, đó là vật gì? (Đó là nêu nghĩa công năng dùng để hỏi vậy). Đáp: Đó là tâm (tức nêu danh để đáp vậy). Người ngu nhận danh bèn cho là đã biết, người trí nên lại hỏi: Thế nào là tâm? (Nêu thể đó vậy). Đáp: Biết tức là tâm (chỉ thể đó vậy), một lời đây đích thực rất thân, các chữ khác nói đều là sơ. Như nói chẳng phải tánh chẳng phải tướng năng nói năng năng v.v... là thể, duyên lực động dụng v.v... là tâm, tức đâu khác điều hỏi của kẻ kia vậy? Lấy đó mà suy danh thể của thủy, danh chỉ một chữ, ngoài ra đều là nghĩa dụng, ước chỉ một chữ mà xuyên suốt cả đục trong v.v... trong muôn dụng muôn nghĩa. Danh thể của tâm cũng vậy, chỉ một chữ biết cũng xuyên suốt ở tham sân từ nhĩn thiện ác, xứ của muôn dụng muôn nghĩa. Phải ngộ được ngay thủy là danh, chẳng phải là thủy, ướt là thủy chẳng phải là danh, tức đục trong ngưng chảy, không nghĩa nào chẳng thông vậy, lấy để sánh tâm là danh chẳng phải là tâm, biết là tâm chẳng phải là danh, tức chân vọng thiện ác, không nghĩa nào chẳng thông vậy. Không tông và tướng tông vì đối với hàng sơ học và căn cơ kém cạn, sợ tùy theo ngôn từ mà sinh chấp nên chỉ nêu danh mà ngăn quấy đó, chỉ dùng nghĩa rộng mà dẫn ý đó. Tánh tông vì đối với hàng học đã lâu và thượng căn, khiến quên lời nhận thể vậy. Một lời bày thẳng (Đạt-ma nói: Chỉ một lời để bày thẳng tức là một lời chữ biết, nếu nói “tức tâm là Phật” là bốn lời vậy), nếu nhận hiểu không sai nhảm, thân gần chiếu tánh của Linh tri, mới ở trên thể chiếu xét nghĩa dụng, nên không gì chẳng thông vậy.

- Tám là, khác về hai đế ba đế, không tông chỉ có hai đế, tánh tông nhiếp tất cả tánh tướng và tự thể, gồm làm ba đế, lấy các pháp

duyên khởi sắc v.v... làm Tục đế, các pháp duyên không tự tánh tức không làm Chân đế. Tâm thể nhất chân chẳng phải không chẳng phải sắc năng không năng sắc làm Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế.

- Chín là, khác về ba tánh không có, không tông nói có tức là biến kế và y tha, có là viên thành. Tánh tông tức ba pháp đều đủ nghĩa của có không. Biến kế tức là tình có lý không, y tha tức tướng có tánh không, viên thành tức tình không lý có.

- Mười là, khác về đức hiệu có không của Phật, không tông nói Phật lấy không làm đức, không có ít pháp gọi là Bồ-đề. Tánh tông thì tự thể tất cả chư Phật đều có thường, lạc, ngã, tịnh mười thân mười trí tướng tốt vô tận. Tánh tự vốn có chẳng đợi cô duyên. Mười khác nhau rõ ràng, hai môn rục rở vậy. Nên phải trước căn cứ về ba thứ Phật giáo, chứng ba tông thiên tâm, sau đó thiên giáo cả hai đều mất. Phật tâm đều tịch, thì niệm niệm đều là Phật, không niệm nào chẳng phải là Phật tâm. Cả hai đều mất nên câu câu đều là thiên, không một câu nào mà chẳng phải là Thiên giáo. Như vậy thì tự nhiên nghe thuyết hết tuyệt vô ký, biết là phá ngã tình chất. Nghe lời dứt vọng tu tâm, biết là đoạn ngã tập khí, chấp tình phá mà chân tánh hiển lộ, tức hết tuyệt là tông của hiển tánh. Tập khí sạch mà Phật đạo thành, nếu năng viên thông như vậy thì vì người khác nói không gì chẳng là diệu phương, nghe người khác nói không gì chẳng là diệu được. Thuốc đó là bệnh chỉ tại chấp đó là thông. Nên các bậc Tiên đức nói: “Chấp thì chữ chữ ung nhọt, thông thì văn văn diệu được”. Như trên là y tựa giáo y tựa tông, nhóm lược hòa hợp, bởi khởi gốc ngọn của Tông chỉ, mở chiết sai khác của pháp nghĩa, so lường khác giống của đốn tiệm, dung tức hòa hợp của chân vọng. Đối hợp qua lại của ngăn bày, khen chê là cạn sâu của quyền thật, có thể gọi là cuộn sóng cả của biển giáo lắng yên trong lòng bàn tay, hợp muôn sao của trời xanh rục rở như trước mắt, thì chóng tan rã các nghi ngờ hoát nhiên diệu chỉ. Nếu ngoài tâm lập pháp lập cảnh, khởi đầu mỗi đấu tranh, trên thức biến ngã biến nhân làm nguyên do dần hơn kém bèn là lập không phá có, bỏ có chẳng phải không, sùng giáo hủy thiên, tông thiên bài xích giáo. Quyền thật hai đường thường làm nhân chướng ngại. Tánh tướng hai tông, trọn làm chấp của oán thù, đều vì lửa đèn trí ngấn, gương tâm sáng mờ, trọn không thể vào môn vô tránh, giẫm trải đạo nhất thật vậy.